TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:160 /2019/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Tho, ngày 05 tháng 8 năm* 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 482/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số B, ấp M, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số N, ấp H, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số B, ấp M, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số N, ấp H, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Kim N, sinh ngày 08/6/1999 (đã trưởng thành). Do đó, Tòa án không đặt ra để xem xét.

- Về tài sản chung, : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, chị N tự nguyện nộp, chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 0000075 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên được hoàn lại 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp M;
- CCTHA Tp M;
- UBND xã T;
- Các đương sự:
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Sắc Ly